

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2007/TT-BTC

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2007

THÔNG TƯ

hướng dẫn về quản lý, xử lý tang vật, phương tiện hết thời hạn tạm giữ bị tịch thu theo thủ tục hành chính và thu, nộp, quản lý, sử dụng phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ

Căn cứ Nghị định số 70/2006/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ quy định việc quản lý tang vật, phương tiện bị tạm giữ theo thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí, lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý, xử lý tang vật, phương tiện hết thời hạn tạm giữ bị tịch thu theo thủ tục hành chính và thu, nộp, quản lý, sử dụng phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ như sau:

I. VỀ QUẢN LÝ, XỬ LÝ TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN HẾT THỜI HẠN TẠM GIỮ BỊ TỊCH THU THEO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Tang vật, phương tiện bị tạm giữ

theo thủ tục hành chính sau khi hết thời hạn thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 70/2006/NĐ-CP ngày 24/7/2006 của Chính phủ quy định việc quản lý tang vật, phương tiện bị tạm giữ theo thủ tục hành chính (sau đây gọi là Nghị định số 70/2006/NĐ-CP) mà vẫn không xác định được chủ sở hữu, người quản lý, người sử dụng hợp pháp hoặc những người này không đến nhận phải bị tịch thu sung quỹ nhà nước (sau đây gọi là tài sản bị tịch thu theo thủ tục hành chính).

2. Việc phân loại, quản lý, chuyển giao và xử lý đối với tài sản bị tịch thu theo thủ tục hành chính được thực hiện như đối với tài sản bị tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính quy định tại Thông tư số 72/2004/TT-BTC ngày 15/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, xử lý tang vật, phương tiện bị

tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính; Thông tư số 04/2006/TT-BTC ngày 18/01/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2004/TT-BTC; Thông tư số 34/2005/TT-BTC ngày 12/5/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chuyển giao tài sản nhà nước để bán đấu giá.

Trường hợp tài sản bị tịch thu theo thủ tục hành chính ở những địa phương chưa có Trung tâm dịch vụ bán đấu giá hoặc Trung tâm dịch vụ bán đấu giá không tiếp nhận thì xử lý theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 70/2006/NĐ-CP. Riêng đối với tang vật, phương tiện do các cơ quan ở Trung ương ra quyết định tịch thu chuyển giao để Bộ Tài chính xử lý thì thực hiện theo quy định tại Mục VI Thông tư số 72/2004/TT-BTC ngày 15/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính.

II. VỀ THU, NỘP, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG PHÍ LƯU GIỮ, BẢO QUẢN TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN BỊ TẠM GIỮ

1. Tang vật, phương tiện bị tạm giữ

do vi phạm hành chính nhưng chưa đến mức bị tịch thu được trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng thì người nhận lại tang vật, phương tiện phải nộp phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện trong thời gian bị tạm giữ.

Trường hợp tang vật, phương tiện bị tạm giữ nhưng sau đó được trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý, người sử dụng do cơ quan của người ra quyết định tạm giữ xác định người có tang vật, phương tiện bị tạm giữ không có lỗi trong hành vi vi phạm hành chính hoặc tang vật, phương tiện bị tạm giữ sau đó bị tịch thu (bao gồm tịch thu do vi phạm hành chính và tịch thu theo thủ tục hành chính) thì chi phí cho việc lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện trong thời gian tạm giữ do cơ quan của người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện thanh toán từ nguồn kinh phí theo quy định tại điểm 2 Thông tư số 04/2006/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2004/TT-BTC.

2. Mức phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có tang vật, phương tiện bị tạm giữ quy định. Cơ quan của người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện (trong trường hợp tự tổ chức lưu giữ,

bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ) hoặc tổ chức chuyên doanh trông giữ tài sản được cơ quan của người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện giao lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện được thu phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ.

3. Việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC và hướng dẫn cụ thể thêm như sau:

a) Nếu tang vật, phương tiện bị tạm giữ do cơ quan của người ra quyết định tạm giữ tự tổ chức lưu giữ, bảo quản thì phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ là phí thuộc ngân sách nhà nước. Cơ quan thu phí được để lại một phần phí thu được để bù đắp chi phí phát sinh của công tác thu phí, tỷ lệ phí để lại do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định; số tiền còn lại phải kê khai và nộp đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước theo quy định;

b) Nếu tang vật, phương tiện bị tạm giữ do tổ chức chuyên doanh trông giữ tài sản lưu giữ, bảo quản thì phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ là doanh thu của tổ chức đó; tổ chức thu phí có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật đối với số phí thu được;

c) Cơ quan, tổ chức thu phí phải lập và cấp biên lai cho đối tượng nộp phí. Biên lai thu phí do cơ quan thuế địa phương cấp; cơ quan, tổ chức thu phí phải sử dụng, quyết toán biên lai theo đúng quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chi thuế;

d) Riêng đối với phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô bị tạm giữ do vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2003/TT-BTC ngày 07/3/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô bị tạm giữ do vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông; Đối với phí trông giữ các loại tài sản quý hiếm và chứng chỉ có giá, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 80/1999/TT-BTC ngày 29/6/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý đối với các loại tài sản quý hiếm và chứng chỉ có giá do Kho bạc Nhà nước nhận gửi và bảo quản.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo, những quy định trước đây trái với quy định của Thông tư này đều bị bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát

sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Tá